

Bản án số: 106/2023/DS-ST

Ngày: 28-9-2023

V/v tranh chấp hợp đồng

vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỢI, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Vĩnh

2. Bà Kim Thị Sà Mết

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhựt, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Mỹ Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 148/2023/TLST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2023/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Tô Văn T, sinh năm 1986. Địa chỉ: Số G Đường L, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ. Người đại diện theo ủy quyền của anh T: Anh Lâm Nhựt T1, sinh năm 1996. Nơi thường trú: Ấp V, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang. Chỗ ở hiện nay: Số A L, Khóm E, Phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (Theo văn bản ủy quyền ngày 14/8/2023).

2. *Bị đơn:* Anh Bùi Phước L, sinh năm 1986 và chị Huỳnh Thị Cẩm N, sinh năm 1985. Cùng địa chỉ: Ấp P, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Lương Kim O, sinh năm 1989. Địa chỉ: Số G Đường L, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ. Người đại diện theo ủy quyền của chị O: Anh Lâm Nhựt T1, sinh năm 1996. Nơi thường trú: Ấp V, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang. Chỗ ở hiện nay: Số A L, Khóm E, Phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (Theo văn bản ủy quyền ngày 14/8/2023) và anh Tô Văn T, sinh năm 1986. Địa chỉ: Số G Đường L, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ (Theo văn bản ủy quyền ngày 31/7/2023).

(Anh Lâm Nhựt T1, anh Bùi Phước L có mặt; chị Huỳnh Thị Cẩm N xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12 tháng 6 năm 2023 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Tô Văn T, người đại diện theo ủy quyền của chị Lương Kim O, anh Tô Văn T là anh Lâm Nhựt T1 trình bày:

Anh T và vợ chồng anh L, chị N có quen biết với nhau qua hợp tác mua bán. Vào đầu năm 2023, anh T có cho vợ chồng anh L mượn tiền, cụ thể như sau: Lần thứ nhất, mượn 60.000.000 đồng và hẹn đến ngày 26/4/2023 trả lại, có làm biên nhận. Lần thứ hai, mượn thêm 13.258.000 đồng. Anh L có viết Giấy cam kết đề ngày 19/5/2023 với tổng số tiền mượn hai lần là 73.258.000 đồng, hẹn đến ngày 30/5/2023 sẽ trả lại cho anh T. Lý do việc mượn tiền là giữa anh T với vợ chồng anh L có giao dịch chuyển nhượng đất, thỏa thuận tiền thuế, phí sẽ do hai bên cùng chi trả nhưng anh T đã đóng thay khi tiến hành làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất. Khi đến hạn trả tiền, anh T đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng anh L trả nợ nhưng không trả. Nay anh T yêu cầu anh L, chị N trả cho anh T và vợ anh T là Lương Kim O tổng số tiền là 73.258.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 30/5/2023 cho đến khi thanh toán hết nợ theo lãi suất quy định pháp luật.

Bị đơn anh Bùi Phước L trình bày:

Anh và chị Huỳnh Thị Cẩm N có mối quan hệ là vợ chồng. Anh không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh T. Số tiền 73.258.000 đồng mà anh T yêu cầu là tiền lãi của khoản vay ngân hàng. Vào ngày 30/3/2023, anh có đặt cọc chuyển quyền sử dụng đất tại thửa số 88, tờ bản đồ số 49, đất tọa lạc tại Đường T, Phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu cho anh T, thỏa thuận giá là 1.950.000.000 (một tỷ chín trăm năm mươi triệu đồng) đồng, khi đó anh đang vay ngân hàng là 1.800.000.000 đồng. Theo hợp đồng đặt cọc ngày 30/3/2023 thỏa thuận mọi thủ tục lãi, chi phí ngân hàng do phía bên anh T chịu và anh T đưa cho anh là 150.000.000 đồng. Do anh T thanh toán nợ vay trước hạn nên phát sinh lãi phạt là số tiền 60.000.000 đồng. Riêng đối với số tiền thuế, lệ phí chuyển quyền sử dụng đất là 13.258.000 đồng thì các bên thỏa thuận chia đôi theo Hợp đồng đặt cọc ngày 30/3/2023. Đối với Giấy cam kết đề ngày 19/5/2023 thể hiện anh có mượn tiền của anh T là 73.258.000 đồng là của anh ký và viết nhưng do anh T kêu viết và sợ ảnh hưởng đến việc làm ăn sau này nên anh viết và ký vào giấy cam kết.

Bị đơn chị Huỳnh Thị Cẩm N:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và phiên tòa nhưng chị N vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa,

Người đại diện theo ủy quyền của anh T và chị O là anh T1 xin rút một phần yêu cầu khởi kiện của anh T: Không yêu cầu tính lãi. Chỉ yêu cầu anh L, chị N thanh toán cho anh T và chị O số tiền mượn là 73.258.000 đồng.

Anh L đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh T về việc yêu cầu trả số tiền là 73.258.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu trình bày việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng chị N chưa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh T về việc yêu cầu tính lãi. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T đối với anh L và chị N. Buộc anh L, chị N cùng có trách nhiệm thanh toán cho anh T và chị O số tiền gốc là 73.258.000 đồng. Anh L, chị N phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh T yêu cầu anh L, chị N trả tiền mượn. Anh T và chị N hiện cư trú huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Cho nên đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt đương sự: Chị Huỳnh Thị Cẩm N là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị N theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính lãi. Xét thấy, việc rút yêu cầu của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 5, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ yêu cầu tính lãi của anh T.

[2] Về nội dung tranh chấp: Anh T khởi kiện yêu cầu anh L, chị N trả tiền cho mượn là 73.258000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, anh T cung cấp Giấy cam kết đề ngày 19/5/2023. Nội dung Giấy cam kết thể hiện: *“tôi có mượn của Anh Tô Văn T số tiền 73.258.000 (Bảy mươi ba triệu hai trăm năm mươi tám ngàn đồng) hẹn đến ngày 30/5/2023 tôi sẽ hoàn trả lại số tiền trên. Nếu sai tôi sẽ đóng tiền gấp đôi số tiền trên 73.258.000 đồng”*. Anh L thừa nhận có ký vào giấy biên nhận nhưng cho rằng anh T yêu cầu ký cam kết và sợ bị ảnh hưởng công việc làm ăn sau này nhưng không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh việc anh T đe dọa hay ép buộc. Tại phiên tòa, anh L đồng ý trả số tiền 73.258.000 đồng cho anh T và chị O nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Theo Công văn số 43 ngày 07/9/2023 của Ủy ban nhân dân xã L, huyện V thì giữa chị N với anh L có đăng ký kết hôn vào năm 2010. Chị N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng, triệu tập chị N đến Tòa án để làm việc, tham gia phiên tòa nhưng chị N không đến Tòa án cũng như không gửi văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cho nên, Hội đồng xét xử sẽ xem xét tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và Tòa án thu thập để giải quyết vụ án. Anh T xác định, có nhận

chuyển nhượng đất của anh L, chị N; đồng thời được anh L và chị N ủy quyền thủ tục xóa thế chấp, đăng ký biến động quyền sử dụng đất. Anh T cung cấp bản chính Giấy ủy quyền ngày 19/4/2023 của anh L, chị N cho anh T về việc nộp, nhận hồ sơ xóa thế chấp, lập văn bản, đóng lệ phí, ký tên vào các giấy tờ đăng ký biến động, tờ khai thuế. Căn cứ Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình thì số tiền anh L mượn của anh T là nghĩa vụ chung của anh L và chị N. Do đó, anh T yêu cầu anh L và chị N trả số tiền đã mượn là 73.258.000 đồng là có cơ sở theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh T nên anh L và chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Tổng số tiền được tính án phí là $73.258.000 \text{ đồng} \times 5\% = 3.662.900 \text{ đồng}$.

Anh T không phải chịu án phí. Anh T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 1.831.450 đồng (một triệu tám trăm ba mươi một nghìn bốn trăm năm mươi đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013702 ngày 10/7/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại toàn bộ.

[4] Như đã phân tích, Hội đồng xét xử chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 273 và 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh Tô Văn T về việc yêu cầu tính lãi đối với anh Bùi Phước L và chị Huỳnh Thị Cẩm N.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Tô Văn T đối với anh Bùi Phước L và chị Huỳnh Thị Cẩm N. Buộc anh Bùi Phước L và chị Huỳnh Thị Cẩm N cùng có trách nhiệm trả cho anh Tô Văn T và chị Lương Kim O số tiền là 73.258.000 đồng (bảy mươi ba triệu hai trăm năm mươi tám nghìn đồng).

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên phải thi hành án còn phải chịu

khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí: Buộc anh Bùi Phước L và chị Huỳnh Thị Cẩm N phải nộp 3.662.900 đồng (ba triệu sáu trăm sáu mươi hai nghìn chín trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh Tô Văn T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 1.831.450 đồng (một triệu tám trăm ba mươi một nghìn bốn trăm năm mươi đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013702 ngày 10/7/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại toàn bộ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Vĩnh Lợi;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Lợi;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Khanh